

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08 / 7 /2020

*V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh

2. Bà Cao Thị Hồng Châu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 16A/2020/QĐST –HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Chị H L Rya , sinh năm 1987 - Có mặt*

Trú tại: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

2. *Bị đơn: Anh Y C Niê , sinh năm 1985 – vắng mặt*

Trú tại: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị H L Rya trình bày:

Chị và anh Y C quen biết được khoảng 06 tháng thì tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ đính hôn, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk ngày 29 tháng 01 năm 2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 sau khi có con thứ hai bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do Y C suốt ngày uống rượu, không chăm lo cho con cái và gia đình, kiếm được tiền thì ăn một mình không đưa cho vợ nuôi con, từ tháng 1/2020 thì vợ chồng không chung sống với nhau nữa, anh Y C đi ở nhờ nhà người khác trong buôn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, vợ chồng không thể

chung sống với nhau. Nguyên vọng của chị H L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Y C Niê.

Về con chung: Có 03 con chung là

- Y L Rya, sinh ngày 15/6/2006
- Y X Rya, sinh ngày 21/5/2008
- H K Rya, sinh ngày 24/6/2016

Nguyên vọng của chị H L xin được nuôi con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Y C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Y C Niê trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của của chị H L Rya về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng sự thật. Nay chị H L Rya làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, về con chung đồng ý giao cả 03 con chung cho chị H L nuôi dưỡng do hiện nay ba cháu đang ở với mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H L Rya. Chị H L Rya được ly hôn anh Y C Niê.

Về con chung: Chấp nhận nguyên vọng của chị H L Rya, giao con chung cho chị H L Rya nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đắklăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Y C Niê vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H L Rya và anh Y C Niê tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 01 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chị H L và anh Y C chung sống được một thời gian thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh suốt ngày uống rượu, không chăm lo cho con cái và gia đình, kiếm được tiền thì ăn một mình không đưa cho vợ nuôi con. Vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 01/2020. Nếu anh Y C là người có trách nhiệm chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình thì mâu thuẫn sẽ được khắc phục kịp thời, vợ chồng có thể đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Y C không có ý thức đoàn tụ để hàn gắn, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Như vậy, hôn nhân của chị H L và anh Y C lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn chị H L cho chị H L Rya được ly hôn anh Y C Niê.

[4]. Về con chung: Chị H L và anh Y C có 03 con chung là cháu Y L Rya, sinh ngày 15/6/2006; Y X Rya, sinh ngày 21/5/2008; H K Rya, sinh ngày 24/6/2016. Hiện nay ba cháu đang được chị H L nuôi dưỡng và đi học, trên cơ sở nguyện vọng của cháu Y L và Y X cũng như của chị H L giao con chung là cháu Y L Rya, sinh ngày 15/6/2006; Y X Rya, sinh ngày 21/5/2008; H K Rya, sinh ngày 24/6/2016 cho chị H L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị H L Rya phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H L Rya.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H L Rya được ly hôn với anh Y C Niê.

Về con chung: Giao cháu Y L Rya, sinh ngày 15/6/2006; Y X Rya, sinh ngày 21/5/2008; H K Rya, sinh ngày 24/6/2016 cho chị H L Rya trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi ba cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị H L Rya phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0004522 ngày 28 tháng 4 năm 2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- UBND xã E, huyện CưMgar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huyền Diệu